

Số: 1268 /QĐ-UBND

Phường Kon Tum, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải các thôn, tổ dân phố
trên địa bàn phường Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13;

Căn cứ Luật Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 26/6/2026 của Hội đồng nhân dân phường Kon Tum về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường tại Tờ trình số 138/TTr-VP ngày 01/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận hòa giải viên, Tổ trưởng tổ hòa giải các thôn, tổ dân phố trên địa bàn phường Kon Tum gồm các ông, bà có tên sau: (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hòa giải viên và Tổ trưởng tổ hòa giải được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác hòa giải ở cơ sở.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của Chủ tịch UBND phường Kon Tum kiện toàn Tổ hòa giải các thôn, tổ dân phố trên địa bàn phường Kon Tum.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Trưởng thôn, Tổ trưởng, Trưởng ban Công tác Mặt trận các thôn, tổ dân phố trên địa bàn phường và các ông (bà) có tên theo danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

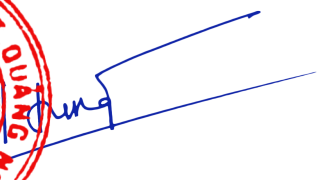
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp (b/cáo);
- Thường trực Đảng ủy (b/cáo);
- TT HĐND phường (b/cáo);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Các thôn, tổ dân phố thuộc phường;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, VP.





CHỦ TỊCH


Dương Anh Hùng

DANH SÁCH
Hòa giải viên, Tổ trưởng tổ hòa giải các thôn, tổ dân phố
trên địa bàn phường Kon Tum
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của
Chủ tịch UBND phường Kon Tum)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ nữ	Chức vụ	Ghi chú
I	Tổ hòa giải tổ dân phố 1				
1	Hà Thanh Tuấn	1983	Nam	Tổ trưởng	
2	Đặng Thu Hoài	1974	Nữ	Hòa giải viên	
3	Lê Hồng Hân	1984	Nữ	Hòa giải viên	
4	Trần Thị Hoa	1977	Nữ	Hòa giải viên	
5	Trần Thị Kim Loan	1956	Nữ	Hòa giải viên	
II	Tổ hòa giải tổ dân phố 2				
1	Hoàng Thị Kim Châu	1980	Nữ	Tổ trưởng	
2	Tổng Thị Vân Anh	1990	Nữ	Hòa giải viên	
3	Trịnh Văn Lãi	1958	Nam	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Tiến Hùng	1965	Nam	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Đức Hường	1952	Nam	Hòa giải viên	
III	Tổ hòa giải tổ dân phố 3				
1	Nguyễn Hoa Quỳnh	1978	Nam	Tổ trưởng	
2	Lê Ngọc Tú	1985	Nam	Hòa giải viên	
3	Lê Ngọc Hoa	1960	Nam	Hòa giải viên	
4	Lê Thị Lai	1959	Nữ	Hòa giải viên	
5	Đặng Văn Trường	1964	Nam	Hòa giải viên	
IV	Tổ hòa giải tổ dân phố 4				
1	Đỗ Thị Tú Trinh	1984	Nữ	Tổ trưởng	
2	Trịnh Thị Thu Lan	1978	Nữ	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Đình Lực	1993	Nam	Hòa giải viên	
4	Hà Thị Xuân Lan	1965	Nữ	Hòa giải viên	
5	Trần Văn Ngọ	1951	Nam	Hòa giải viên	
V	Tổ hòa giải tổ dân phố 5				
1	Đặng Thị Mỹ Hương	1994	Nữ	Tổ trưởng	
2	Vũ Văn Trường	1971	Nam	Hòa giải viên	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/nữ	Chức vụ	Ghi chú
3	Nguyễn Đình Tuệ	1966	Nam	Hòa giải viên	
4	Hoàng Thị Lâm	1960	Nữ	Hòa giải viên	
5	Lý Ngọc Đức	1947	Nam	Hòa giải viên	
VI	Tổ hòa giải tổ dân phố 6				
1	Huỳnh Thị Thân	1970	Nữ	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Hữu Khánh	1980	Nam	Hòa giải viên	
3	Trần Quốc Tuấn	1968	Nam	Hòa giải viên	
4	Phạm Thị Thu Thiết	1980	Nữ	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Văn Anh	1974	Nam	Hòa giải viên	
VII	Tổ hòa giải tổ dân phố 7				
1	Huỳnh Thị Đào	1983	Nữ	Tổ trưởng	
2	Lê Thị Kim Trâm	1972	Nữ	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Thanh Phúc	1968	Nam	Hòa giải viên	
4	Trần Tiến Việt	1975	Nam	Hòa giải viên	
5	Võ Thị Thúy Hạnh	1974	Nữ	Hòa giải viên	
VIII	Tổ hòa giải tổ dân phố 8				
1	Trần Thị Hoa	1985	Nữ	Tổ trưởng	
2	Phạm Minh Tâm	1987	Nam	Hòa giải viên	
3	Võ Minh Mỹ	1966	Nam	Hòa giải viên	
4	Võ Thị Kim Liên	1971	Nữ	Hòa giải viên	
5	Đào Duy Linh	1972	Nam	Hòa giải viên	
IX	Tổ hòa giải tổ dân phố 9				
1	Huỳnh Thị Thủy	1975	Nữ	Tổ trưởng	
2	Võ Trí Dũng	1998	Nam	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Thị Nhung	1971	Nữ	Hòa giải viên	
4	Đặng Thị Thành	1962	Nữ	Hòa giải viên	
5	Trần Sỹ	1991	Nam	Hòa giải viên	
X	Tổ hòa giải tổ dân phố 10				
1	Nguyễn Thị Nga	1971	Nữ	Tổ trưởng	
2	Đào Anh Tuấn	1967	Nam	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Phúc	1967	Nam	Hòa giải viên	
4	Dương Doãn Sâm	1944	Nam	Hòa giải viên	
5	Phạm Thị Dung	1984	Nữ	Hòa giải viên	
XI	Tổ hòa giải tổ dân phố 11				
1	Đinh Văn Huệ	1986	Nam	Tổ trưởng	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/nữ	Chức vụ	Ghi chú
2	Võ Thị Anh Thi	1988	Nữ	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Thị Thu Thùy	1989	Nữ	Hòa giải viên	
4	Đinh Công Loan	1963	Nam	Hòa giải viên	
5	Lê Thị Anh Đào	1982	Nữ	Hòa giải viên	
XII	Tổ hòa giải tổ dân phố 12				
1	Lê Thị Hồng Vi	1984	Nữ	Tổ trưởng	
2	Hà Tiến Dũng	1992	Nam	Hòa giải viên	
3	Bùi Tấn Việt	1977	Nam	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Quý	1953	Nam	Hòa giải viên	
5	Trần Thị Ngọc Nga	1971	Nữ	Hòa giải viên	
XIII	Tổ hòa giải tổ dân phố 13				
1	Phạm Thị Hiền	1982	Nữ	Tổ trưởng	
2	Trần Thị Bích Trâm	1982	Nữ	Hòa giải viên	
3	Bùi Phúc Hiệp	1983	Nam	Hòa giải viên	
4	Phạm Thị Bích Nhung	1990	Nữ	Hòa giải viên	
5	Vũ Trung Khách	1965	Nam	Hòa giải viên	
XIV	Tổ hòa giải tổ dân phố 14				
1	Phan Thị Thanh Hằng	1974	Nữ	Tổ trưởng	
2	Đoàn Thị Nha Trang	1988	Nữ	Hòa giải viên	
3	Trần Thị Thùy Trâm	1990	Nữ	Hòa giải viên	
4	Đào Xuân Ninh	1958	Nam	Hòa giải viên	
5	Trịnh Xuân Đông	1982	Nam	Hòa giải viên	
XV	Tổ hòa giải tổ dân phố 15				
1	Trần Thị Xuân	1991	Nữ	Tổ trưởng	
2	Bùi Thị Anh	1982	Nữ	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Trọng Khanh	1955	Nam	Hòa giải viên	
4	Hoàng Nhật Thân	1963	Nam	Hòa giải viên	
5	Trần Thị Oanh	1987	Nữ	Hòa giải viên	
XVI	Tổ hòa giải tổ dân phố 16				
1	Tô Đàm Phương	1975	Nam	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thành Đạt	1989	Nam	Hòa giải viên	
3	Lê Công Gia	1976	Nam	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Thị Liên	1973	Nữ	Hòa giải viên	
5	Ngô Lâm Thủy Tiên	1999	Nữ	Hòa giải viên	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/nữ	Chức vụ	Ghi chú
XVII	Tổ hòa giải tổ dân phố 17				
1	Phạm Thị Thanh Hiền	1976	Nữ	Tổ trưởng	
2	Trần Thị Thu Hạnh	1983	Nữ	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Thị Thu Hà	1968	Nữ	Hòa giải viên	
4	Ngô Thành Đô	1971	Nam	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Trọng Trường	1969	Nam	Hòa giải viên	
XVIII	Tổ hòa giải tổ dân phố 18				
1	Nguyễn Xuân Thắng	1970	Nam	Tổ trưởng	
2	Đào Thị Nhân	1960	Nữ	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Văn Hoàn	1988	Nam	Hòa giải viên	
4	Trần Quốc Tín	1958	Nam	Hòa giải viên	
5	Phạm Thị Lạc	1990	Nữ	Hòa giải viên	
XIX	Tổ hòa giải tổ dân phố 19				
1	Dương Thị Hồng Thơm	1981	Nữ	Tổ trưởng	
2	Trịnh Thị Kim Phụng	1974	Nữ	Hòa giải viên	
3	Nguyễn Tất Lợi	1962	Nam	Hòa giải viên	
4	Lê Thị Ngọc	1966	Nữ	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Văn Đầu	1961	Nam	Hòa giải viên	
XX	Tổ hòa giải tổ dân phố 20				
1	Nguyễn Đức Chánh	1995	Nam	Tổ trưởng	
2	Vũ Thế Quỳnh	1980	Nam	Hòa giải viên	
3	Bùi Văn Thanh	1965	Nam	Hòa giải viên	
4	Nông Thị Thúy	1976	Nữ	Hòa giải viên	
5	Ngô Thị Thúy	1974	Nữ	Hòa giải viên	
XXI	Tổ hòa giải thôn Kon Tum Kơ Nâm				
1	Hlur	1959	Nữ	Tổ trưởng	
2	Y Rông	1990	Nữ	Hòa giải viên	
3	Yong Đê	2003	Nữ	Hòa giải viên	
4	Ya Ly Triùh	1971	Nam	Hòa giải viên	
5	Wurn	1981	Nam	Hòa giải viên	
XXII	Tổ hòa giải thôn Kon Hra Chót				

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/nữ	Chức vụ	Ghi chú
1	A Huy	1957	Nam	Tổ trưởng	
2	A Wư	1964	Nam	Hòa giải viên	
3	Bi	1989	Nữ	Hòa giải viên	
4	Y Kung	1967	Nữ	Hòa giải viên	
5	Y Hoan	1996	Nữ	Hòa giải viên	
XXIII	Tổ hòa giải thôn Kon Klor				
1	A Ron	1991	Nam	Tổ trưởng	
2	Rô Đa	1990	Nam	Hòa giải viên	
3	A Đương	1997	Nam	Hòa giải viên	
4	Pheh	1959	Nam	Hòa giải viên	
5	Y Phú	1984	Nữ	Hòa giải viên	
XXIV	Tổ hòa giải thôn Kon Tum Kơ Pơng				
1	Hy Kim Kha	1981	Nữ	Tổ trưởng	
2	A Phuk	1973	Nam	Hòa giải viên	
3	A Xuất	1982	Nam	Hòa giải viên	
4	A Nhim	1960	Nam	Hòa giải viên	
5	A Bưn	1964	Nam	Hòa giải viên	
XXV	Tổ hòa giải thôn Plei Tơ Ngia				
1	Y Hải	1984	Nữ	Tổ trưởng	
2	A Hlut	1960	Nam	Hòa giải viên	
3	H' Blen Niê	1968	Nữ	Hòa giải viên	
4	A Yah	1980	Nam	Hòa giải viên	
5	Y Blanh	1962	Nữ	Hòa giải viên	
XXVI	Tổ hòa giải thôn Plei Don				
1	A Trăn	1976	Nam	Tổ trưởng	
2	Y Nguyệt	1977	Nữ	Hòa giải viên	
3	Y Hiền	1986	Nữ	Hòa giải viên	
4	A Thói	1950	Nam	Hòa giải viên	
5	A Minh	1991	Nam	Hòa giải viên	
XXVII	Tổ hòa giải thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 1				

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/nữ	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Đình Trọng	1977	Nam	Tổ trưởng	
2	Y Húy	1988	Nữ	Hòa giải viên	
3	Trần Anh Minh	1965	Nam	Hòa giải viên	
4	Y Hyoch	1982	Nữ	Hòa giải viên	
5	Y Hurunh	1981	Nữ	Hòa giải viên	
XXVIII	Tổ hòa giải thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 2				
1	Hoàng Văn Hòa	1978	Nam	Tổ trưởng	
2	Y Nurih	1985	Nữ	Hòa giải viên	
3	Y Mực	1996	Nữ	Hòa giải viên	
4	Nguyễn Hải Nam	1989	Nam	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Ngọc Linh	1969	Nam	Hòa giải viên	
XXIX	Tổ hòa giải thôn Kon Rơ Wang				
1	A Khoa	1983	Nam	Tổ trưởng	
2	A Byir	1962	Nam	Hòa giải viên	
3	A Byix	1992	Nam	Hòa giải viên	
4	A Byor	1986	Nam	Hòa giải viên	
5	Y Trunh	1978	Nữ	Hòa giải viên	

Danh sách gồm có: **145** người
